TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2017/DS- ST
Ngày 14/11/2017
V/v: "Tranh chấp hợp đồng
Mua bán tài sản "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: **Ông Trần Thanh Phong**

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Nguyễn Văn Đông

Ông Lê Văn Nhàn

- *Thư ký phiên tòa:* **Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Ngày **14** tháng **11** năm **2017** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 158/2017/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2017/QĐST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2017 giữa:

**** Nguyên đơn:***

Võ Văn H, sinh năm 1972 (có mặt)

Trú tại: Ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

**** Bị đơn*:**

1/ Trần Văn S, sinh năm 1939 (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

2/ Phan Thị C, sinh năm 1943 (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Cùng trú tại: Ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Võ Văn H trình bày:

Vào năm 2013 ông có thỏa thuận bán thức ăn gia súc cho ông S, bà C, hai bên thỏa thuận khi nào phía ông S, bà C bán heo sẽ trả tiền thức ăn. Đến ngày 12/6/2015 hai bên chấm dứt hợp đồng mua bán, sau khi kết sổ thì ông S, bà C còn

nợ 134.850.000 đồng, ông có đòi nhiều lần phía ông S, bà C có trả dần đến ngày 17/01/2016 được 50.000.000 đồng, còn lại 84.850.000 đồng đến nay vẫn không trả.

Nay yêu cầu ông S, bà C liên đới trả số tiền 84.850.000 đồng. và tiền lãi 1%/tháng tính từ ngày 17/01/2016 đến ngày 17/9/2017, tổng cộng 20 tháng với số tiền lãi là 16.971.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 20/10/2017 bị đơn bà Phan Thị C trình bày: Thừa nhận có mua thức ăn gia súc của ông H và còn thiếu ông H 84.850.000 đồng, việc thỏa thuận mua bán với ông H do bà trực tiếp đứng giao dịch, chồng bà là ông S không có tham gia nhưng ông S biết, mục đích mua thức ăn chăn nuôi để nhằm phát triển kinh tế gia đình. Nay đồng ý một mình đứng trả nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng. Đối với khoản lãi không đồng ý trả.

Tại biên bản hòa giải ngày 20/10/2017 ông Trần Văn S trình bày: Việc giao dịch mua bán thức ăn giữa vợ ông và ông H ông không có tham gia, mục đích vợ ông mua thức ăn chăn nuôi để phục vụ nhu cầu kinh tế gia đình. Nay ông H yêu cầu ông cùng vợ ông liên đới trả ông không đồng ý, vì ông cho rằng vợ ông đứng giao dịch với H thì để vợ ông trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

**** Về áp dụng pháp luật tố tụng:***

[1] Về quyền khởi kiện: Giao dịch mua bán thức ăn gia súc giữa ông H và bà C được hai bên thừa nhận có thật, ông H cho rằng phía bà C vi phạm cam kết về thời gian trả nợ nên khởi kiện. Căn cứ khoản 2 điều 68, điều 186 thì ông H có quyền khởi kiện.

[2] Về thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Quá trình giao dịch do phía bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ về thời gian trả nợ, nên các bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng ngày 12/6/2015, nên quyền lợi của ông H bị xâm phạm kể từ sau ngày 12/6/2015, đến ngày 02/10/2017 thì ông H khởi kiện. Căn cứ điều 429 Bộ luật dân sự thời hiệu khởi kiện trong vụ án vẫn còn. Đối với yêu cầu của ông H là tranh chấp hợp đồng dân sự về việc mua bán tài sản. Căn cứ khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã T, huyện M. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

[3] Ông S, bà C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông S, bà C.

**** Về nội dung giải quyết vụ án:***

[1] Giao dịch mua bán thức ăn gia súc giữa các bên ông H và bà C được hai bên thừa nhận là bà C còn nợ ông H với số tiền 84.850.000 đồng. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh. Phía bà C xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng nhưng không được phía ông H chấp nhận, nên bà C phải có nghĩa vụ đối với toàn bộ số tiền 84.850.000 đồng mà ông H yêu cầu. Đối với phần lãi suất phía nguyên đơn yêu cầu. Do phía bà C vi phạm nghĩa vụ trả tiền và mức lãi suất và thời hạn chịu lãi nguyên đơn yêu cầu là phù hợp pháp luật, nên được chấp nhận toàn bộ.

[2] Đối với trách nhiệm liên đới của ông S và bà C: Mặt dù giao dịch các bên ông H, bà C xác lập ban đầu không có sự tham gia của ông S, nhưng theo lời trình bày của cả bà C và ông S mục đích mua thức ăn gia súc để chăn nuôi nhằm phát triển kinh tế gia đình, ông S là chồng hợp pháp của bà C, nên buộc ông S cùng bà C liên đới trả số tiền trên cho ông H là phù hợp.

[3] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bà C, ông S phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 429, 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 37 luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 2 điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn H. Buộc bà Phan Thị C, ông Trần Văn S liên đới trả cho ông Võ Văn H số tiền 101.821.000 (một trăm lẻ một triệu tám trăm hai mươi mốt ngàn) đồng (trong đó vốn gốc 84.850.000 đồng, tiền lãi 16.971.000 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: bà Phan Thị C, ông Trần Văn S phải liên đới chịu là 5.090.000 đồng. Hoàn trả cho ông Võ Văn H số tiền tạm ứng án phí 2.673.000 đồng theo biên lai thu số 0011622 ngày 02/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi ành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7,

7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngaỳ kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngaỳ kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam(1b);
- Những người tham gia tố tụng (3b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thanh Phong